

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2017/HSST

Ngày: 15/12/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phi Long.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải

2. Ông Nguyễn Hùng Phước

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Lo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền tham gia phiên tòa: Ông Lưu Minh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ. Tòa án nhân dân huyện P, thành phố Cần Thơ mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/2017/HSST ngày 03 tháng 11 năm 2017 đối với các bị cáo:

1/ **Nguyễn Tấn T**, sinh năm: 1974 (tên gọi khác **H**). ĐKTT và chỗ ở hiện nay: ấp B, xã G, huyện P, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: Không biết chữ. Con ông Nguyễn Văn T1 (c) và bà Bùi Thị H1 (s). Vợ, con: chưa có. Tiền án, tiền sự: không. Hiện đang bị tạm giam. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ **Bùi Linh V**, sinh năm: 1995. ĐKTT và chỗ ở hiện nay: Số 82 ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 02/12. Con ông Nguyễn Văn B (c) và bà Trần Thị Đ (s). Vợ: Lê Dương Bích T2. Có 02 con: Lớn sinh năm 2013 và nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: không. Hiện đang được tại ngoại. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại*: Anh Lê Văn P, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ – Có mặt.

* *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: NLQ – Có mặt.

NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào ngày 01/3/2016, Bùi Linh V, Lê Văn P, Nguyễn Tấn T (H), Phạm Trường G (H2) cùng nhau uống rượu, bia tại nhà của V thuộc ấp N, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ, ngồi nhậu một lúc P và G say nên nằm ngủ.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày thì V thấy cái bóp trong túi quần của P gần rút ra nên móc lấy xem trong bóp có tiền không để đi mua đồ ăn về nhậu tiếp, nhưng trong bóp chỉ có giấy tờ xe và chứng minh nhân dân của P nên bỏ lại. T mới cầm cái bóp lên xem và hỏi V giấy tờ xe cầm được không thì V nói cầm được. T lấy cái bóp và kêu V lấy xe hiệu Wave S, biển số 65G1-134.86 của P đậu phía sau nhà của V (trên xe còn gắn chìa khóa) và V chở T đến Tiệm cầm đồ S thuộc thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang; cầm cho NLQ với số tiền 10.000.000đ. T đưa cho V 1.600.000đ, số còn lại T giữ và đi đến tỉnh Bình Dương. Sau khi P tỉnh dậy, phát hiện bị mất xe nên P kêu V chở đi trình báo Công an.

Quá trình điều tra Nguyễn Tấn T và Bùi Linh V đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội nêu trên.

Tang vật thu giữ: 01 Xe mô tô Wave S, biển số 65G1- 134.86, 01 giấy đăng ký xe, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 nón bảo hiểm của Lê Văn P. Toàn bộ tang vật trên Cơ quan Điều tra đã xử lý trả lại cho anh P xong.

Căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 25-4-2016 của Hội đồng định giá tài sản thì xe mô tô biển số 65G1 – 134.86 trị giá 15.032.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Lê Văn P không có yêu cầu. Bùi Linh V đã nộp khắc phục hậu quả số tiền 1.600.000đ.

Đối với NLQ khi nhận cầm xe biển số 65G1-134.86, không biết tài sản do trộm cắp mà có nên không xử lý trách nhiệm Hình sự.

Tại Cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 03-11-2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền đã truy tố Nguyễn Tấn T (Hết) và Bùi Linh V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền phát biểu kết luận vụ án vẫn giữ quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều khoản luật đã viện dẫn và đề nghị:

1/ Đối với bị cáo Nguyễn Tấn T: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20 và Điều 33 Bộ luật hình sự. Xử phạt mức án từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù giam.

2/ Đối với bị cáo Bùi Linh V: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20 và Điều 60 Bộ luật hình sự. Xử phạt mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

Xử lý vật chứng:

Áp dụng khoản 1 và khoản 2 Điều 41, Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Buộc Nguyễn Tấn T nộp số tiền 8.400.000đ và Bùi Linh V nộp số tiền 1.600.000đ là tiền thu lợi bất chính sung công quỹ Nhà nước.

Công nhận việc trả lại xe mô tô hiệu Wave S, biển số 65G1 – 134.86; 01 giấy đăng ký xe; 01 chứng minh nhân dân và 01 nón bảo hiểm cho anh Lê Văn P của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phong Điền theo Quyết định xử lý vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

Buộc Nguyễn Tấn T và Bùi Linh V có trách nhiệm trả lại số tiền 10.000.000đ cho NLQ. Hiện tại Bùi Linh V đã nộp lại số tiền 1.600.000đ.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Qua kết quả xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, đối chiếu với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; đã đủ cơ sở kết luận hai bị cáo lợi dụng lúc anh Lê Văn P say rượu nằm ngủ nên lấy bóp của anh P có giấy tờ xe và giấy chứng minh nhân dân; hai bị cáo đã lén lúc lấy xe mô tô biển số 65G1-134.86 của anh P đem cầm cho Tiệm cầm đồ S được số tiền 10.000.000đ; T chia cho V số tiền 1.600.000đ, phần còn lại T giữ tiêu xài cá nhân.

Căn cứ biên bản định giá tài sản ngày 25-4-2016 của Hội đồng định giá tài sản thì xe mô tô biển số 65G1 – 134.86 trị giá 15.032.000 đồng.

Lời thừa nhận của hai bị cáo là phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hành vi của các bị cáo đã trực tiếp xâm

phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật thừa nhận và bảo vệ nên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự quy định như sau: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”*. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền truy tố các bị cáo theo như cáo trạng là có căn cứ và đúng pháp luật.

Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bản thân hai bị cáo lại là người trẻ tuổi, có sức khỏe nhưng không dùng sức khỏe của mình để lao động tạo ra thu nhập chính đáng nuôi sống bản thân, làm một người công dân có ích cho gia đình và xã hội mà lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, cho thấy thể hiện bản tính tham lam, lười lao động. Hành vi của hai bị cáo thể hiện bản tính liều lĩnh, cố ý thực hiện phạm tội đến cùng, điều đó cho thấy sự xem thường pháp luật, bất chấp mọi hậu quả để có tiền tiêu xài cá nhân.

Xét vai trò của hai bị cáo: Tuy hai bị cáo không có bàn bạc trước, mà nảy sinh lòng tham tức thời rồi cùng thực hiện. Trước khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T là người gợi ý trước và cũng là người nhận tiền nhiều hơn sau khi bán được xe so với bị cáo V. Mặt khác, sau khi phạm tội bị cáo T trốn khỏi địa phương, gây khó khăn cho Cơ quan Điều tra làm kéo dài việc giải quyết vụ án. Do đó, bị cáo T phải chịu mức án nặng hơn so với bị cáo V. Đối với bị cáo V là đồng phạm tham gia giúp sức tích cực trong việc dẫn xe ra khỏi nơi quản lý của chủ sở hữu, điều khiển xe chở T đi tìm tiệm cầm đồ để cầm xe, sau khi cầm xe xong thì nhận từ bị cáo T số tiền 1.600.000đ.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương nên cần có mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi và hậu quả của hai bị cáo đã gây ra. Đối với bị cáo T cần phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo cho bị cáo biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng quyền sở hữu tài sản của người khác; đồng thời, để có tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội. Còn đối với bị cáo V xét thấy hành vi của bị cáo cũng cần thiết phải xử lý nghiêm, tuy nhiên cũng không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù, cho hưởng án treo để răn đe và giáo dục bị cáo. Vì vậy, như phân tích trên xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát về mức án cho hai bị cáo là phù hợp.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, hai bị cáo cũng đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Hai bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo V đã nộp khắc phục số tiền 1.600.000đ; bị cáo V có 02 con sinh năm 2013 và sinh năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho hai bị cáo khi lượng hình.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại xe xong và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với số tiền 10 triệu đồng mà hai bị cáo đã nhận của NLQ, do lúc NLQ nhận cầm xe, bị cáo T cho rằng đây là xe chính chủ, NLQ tưởng thật mới nhận cầm xe với số tiền 10 triệu đồng. Đến khi Cơ quan điều tra làm rõ, NLQ mới biết xe này không phải của hai bị cáo nên đây là giao dịch dân sự bị lừa dối là “hành vi cố ý của một bên nhằm làm cho bên kia hiểu sai lệch về nội dung của giao dịch dân sự đó” theo điều 127 Bộ luật dân sự. Điều 131 Bộ luật dân sự quy định hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu sẽ không làm phát sinh, thay đổi quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên. Như vậy, trong trường hợp này quyền và nghĩa vụ giữa các bị cáo với NLQ đã thỏa thuận sẽ không phát sinh kể cả việc trả lãi của số tiền gốc. Khi giao dịch dân sự vô hiệu thì các bên khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận. Do vậy, hai bị cáo phải trả lại cho NLQ số tiền 10 triệu đồng, mà không phải trả lãi như thỏa thuận.

Sau khi nhận được tiền cầm xe, bị cáo T chia cho bị cáo V số tiền 1.600.000đ, phần còn lại T sử dụng tiêu xài hết. Do đó, cần buộc bị cáo T trả cho NLQ số tiền 8.600.000đ; buộc bị cáo V trả cho NLQ số tiền 1.600.000đ. Bị cáo V đã nộp khắc phục hậu quả số tiền 1.600.000đ nên cần xử lý số tiền này chi trả cho NLQ, xem như bị cáo V đã trả xong cho NLQ.

Về xử lý vật chứng:

Xét Đại diện Viện kiểm sát đề nghị buộc bị cáo T nộp số tiền 8.400.000đ và buộc bị cáo V nộp số tiền 1.600.000đ để tịch thu sung công là tiền thu lợi bất chính. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này là không phù hợp. Bởi lẽ, hai bị cáo chiếm đoạt được số tiền này là do hai bị cáo lừa dối với NLQ và nói rằng đây là xe chính chủ nên NLQ tưởng là thật mới nhận cầm xe. Chính vì vậy, NLQ không phạm phải tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Do đó, đây là giao dịch dân sự vô hiệu do lừa dối thì hai bị cáo phải có trách nhiệm trả lại cho NLQ nên không phải là tiền thu lợi bất chính của hai bị cáo như Đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Công nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Phong Điền về việc trả cho anh Lê Văn P những vật chứng sau: 01 Xe mô tô Wave S, biển số 65G1- 134.86, 01 giấy đăng ký xe, 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 nón bảo hiểm như Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

Theo quy định khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định đối tội này còn có thể phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, do các bị cáo kinh tế gia đình khó khăn; nghề nghiệp làm thuê, không có thu nhập ổn định. Mặt khác, giữa bị cáo và bị hại có mối quan hệ ruột thịt với nhau; bị cáo T không biết chữ, bị cáo V trình độ văn hóa lớp 02 nên suy nghĩ của các bị cáo còn nông cạn. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung cho hai bị cáo.

Về án phí hình sự sơ thẩm mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Tấn T chịu 420.000đ theo quy định Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Tuyên bố:** Bị cáo **Nguyễn Tấn T** và bị cáo **Bùi Linh V** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

1/ **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20 và Điều 33 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Tấn T** 01 (Một) năm tù giam. Thời hạn phạt tù tính kể từ ngày 09-9-2017.

2/ **Áp dụng:** Khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1 và 2 Điều 46; Điều 20 và Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Linh V** 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 15/12/2017).

Giao bị cáo V cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ quản lý và giáo dục trong thời gian thử thách.

***Về trách nhiệm dân sự:**

1/ Bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không giải quyết.

2/ **Áp dụng:** Điều 127; Điều 131 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T có trách nhiệm trả cho NLQ số tiền 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ khi NLQ có đơn yêu cầu thi hành án mà bị cáo T chậm trả tiền thì bị cáo T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Buộc bị cáo Bùi Linh V có trách nhiệm trả cho NLQ số tiền 1.600.000 (Một triệu sáu trăm ngàn đồng). Xử lý số tiền 1.600.000đ của bị cáo Bùi Linh V nộp khắc phục hậu quả, được trả cho NLQ. Bị cáo V đã trả cho NLQ xong.

***Về xử lý vật chứng:** Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

Công nhận việc xử lý vật chứng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Phong Điền về việc trả cho anh Lê Văn P những vật chứng sau: 01

Xe mô tô Wave S, biển số 65G1- 134.86; 01 giấy đăng ký xe; 01 giấy chứng minh nhân dân và 01 nón bảo hiểm.

**Về án phí:* Áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Án phí Hình sự sơ thẩm: Buộc mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng)

- Án phí Dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Tấn T phải nộp 420.000đ (Bốn trăm hai chục ngàn đồng).

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo để xin Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- Chi Cục THADS H. Phong Điền;
- Công an H. Phong Điền;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Phi Long